

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 4- 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự.

Ông Trần Ngọc Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hồng N, sinh năm 2003; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trần Hồng N trình bày: Chị N với anh T chung sống với nhau năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 07/8/2021 nhưng dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dù được gia đình hai bên hàn gắn nhưng anh T không sửa đổi mà ly thân hơn một năm nay. Hiện tại chị không còn thương yêu anh T nên xin được ly hôn, giao con cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng. Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, còn nợ chung thì không có.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh T, nhưng anh T không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị N, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị N khai sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do anh T không quan tâm, thương yêu chị, dù gia đình có hàn gắn nhưng anh T không sửa đổi mà sống ly thân hơn một năm nay, tự tạo cuộc sống riêng, không còn trách nhiệm với nhau. Anh T không có ý kiến phản đối, anh cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị N, thể hiện qua việc nhiều lần Tòa án triệu tập hòa giải và xét xử, anh đều không tham gia. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị và anh T ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị N tự nguyện giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, xét thấy cháu Hoàng A từ khi ly thân đến nay sống với anh T, anh T không phản đối khi chị N yêu cầu anh nuôi con khi ly hôn nên giao con cho anh T nuôi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị N khai quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định không có, anh T không phản đối nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên chị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng N. Cho chị Trần Hồng N được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng N. Giao cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 07/8/2021 cho anh Lê Thanh T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Trần Hồng N được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002705 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Chí Khanh

